

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HS-PT
Ngày 02-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 217/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Lâm Thị Ngọc D và Trần Kim Y. Do có kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Lâm Thị Ngọc D và Trần Kim Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 194/2023/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1977 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q, sinh năm 1940 và bà Trần Thị M sinh năm 1944; chồng tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1983, có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Kim Y, sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chồng tên Lê Văn C, sinh năm 1977, có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo bỏ trốn, ngày 04/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định truy nã số 1063/QĐTN-ĐCSHS ngày 04/4/2024; vắng mặt.

3. Lâm Thị Ngọc D, sinh năm 1970 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Thành Q1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T1 (đã chết); chồng tên Vũ Thanh V (đã chết), có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 24/5/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2006/HSST, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Cẩm T có mối quan hệ quen biết với Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D, Đinh Thị H1 và đối tượng tên R, M1 (không rõ nhân thân, lai lịch).

Ngày 13/02/2022, Trương Thị Cẩm T đánh bạc với Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D, Đinh Thị H1 và đối tượng tên R, M1 bằng hình thức mua bán số lô, số đề, và T là người làm chủ đề.

Khoảng 09 giờ ngày 14/02/2022, Công an phường T, thị xã (nay là thành phố) T tiến hành tuần tra, kiểm tra hành chính trên địa bàn phường T. Qua kiểm tra, phát hiện T có biểu hiện đánh bạc bằng hình thức ghi số đề nên đưa T về trụ sở để làm việc. Tại Công an phường T, Trương Thị Cẩm T thừa nhận hành vi đánh bạc và giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu hồng gắn sim số 0336.669.067; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A12, màu xanh. Công an phường T phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 (nay là thành phố) Tân Uyên lập biên bản đối với Trương Thị Cẩm T và tạm giữ đồ, vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 điện thoại di động hiệu S J7 Pro, màu hồng gắn sim số 0336.669.067; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A12, màu xanh.

Trên cơ sở lời khai của Trương Thị Cẩm T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T tiến hành triệu tập Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D, Đinh Thị H1 đến làm việc và thu giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ gắn sim số 0965.659.772 của Trần Kim Y.

Qua điều tra Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D, Đinh Thị H1 khai nhận hành vi đánh bạc vào ngày 13/02/2022 như sau:

Về cách tính tiền mua (bán) số lô, số đề:

- Đối với số đề đầu, đuôi: tính theo tỷ lệ là 1:1, tức mua 1.000 đồng đầu, đuôi miền N tương đương bỏ ra số tiền 2.000 đồng. Còn mua 1.000 đồng đầu, đuôi miền B tương đương bỏ ra số tiền 5.000 đồng.

- Đối với số lô, số đá: Để kích thích người mua số lô, số đề mua nhiều số hơn, T giảm giá (trừ tiền hoa hồng) tiền mua số lô, số đá, cụ thể:

+ Đối với số lô: Đối với miền N là 18 giải trong một lô nhưng chỉ tính 15 lô nên tỷ lệ 1:15, tức mua 1.000 đồng tương đương phải bỏ ra 15.000 đồng và miền B là 27 giải trong một lô nhưng chỉ tính 20 lô nên tỷ lệ 1:20, tức mua 1.000 đồng tương đương phải bỏ ra 20.000 đồng.

+ Đối với số đá: Đối với miền N là 18 giải trong một lô nhưng chỉ tính 15 lô nên tỷ lệ 1:15, tức mua 1.000 đồng số đá 02 con tương đương phải bỏ ra 30.000 đồng, 03 con tương đương bỏ ra 90.000 đồng và miền B là 27 giải trong một lô nhưng chỉ tính 25 lô nên tỷ lệ 1:25, tức mua 1.000 đồng số đá 02 con tương đương phải bỏ ra 50.000 đồng, 03 con tương đương 150.000 đồng.

Về cách tính tiền trúng thưởng số lô, số đề:

Dựa trên kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết đài miền N gồm 18 giải và xổ số kiến thiết đài miền B gồm 27 giải thì người mua sẽ đối chiếu 02 số, 03 số đã mua với 02 số, 03 số hàng chục, hàng đơn vị các giải trong một lô số đề. Nếu trùng khớp kết quả với nhau thì người chơi sẽ trúng thưởng theo tỷ lệ:

+ Đối với số đầu, đuôi: 1.000 đồng trúng 70.000 đồng đối với đầu, đuôi 02 số, 700.000 đồng đối với đầu, đuôi 03 số.

+ Đối với số lô: 1.000 đồng trúng 70.000 đồng đối với 02 số, 700.000 đồng đối với 03 số. Nếu trong lô xuất hiện các số đã mua nhiều lần thì số tiền trúng sẽ nhân lên theo số lần các con số trong lô xuất hiện.

+ Đối với số đá: 1.000 đồng trúng 700.000 đồng đối với đá 02 con, 1.000 đồng trúng 2.100.000 đồng đối với đá 03 con.

Đối với Trần Kim Y: Ngày 13/02/2022, Trần Kim Y nhắn tin cho Trương Thị Cẩm T để mua số đề. Cụ thể:

- Đài K:

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
01			20.000		300.000
10			20.000		300.000
11			20.000		300.000
18	200.000	20.000	5.000		295.000
24	500.000	100.000	100.000		2.100.000
38			10.000		150.000
61			20.000		300.000
79	20.000	20.000	10.000		190.000
80			10.000		150.000
90	20.000	20.000			40.000

01-11				2.000	60.000
Tổng					4.260.000

Số tiền trên phoi đề đài K (chưa trừ tiền hoa hồng) là 4.842.000 đồng; sau khi có kết quả xổ số tiền trúng thưởng thì trúng số 61 với số tiền trúng thưởng là 1.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc ở đài K là 6.242.000 đồng.

- Đài T:

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
02			50.000		750.000
11			10.000		150.000
18			5.000		75.000
24			5.000		75.000
39	200.000	20.000			220.000
55	10.000	10.000	10.000		170.000
61			20.000		300.000
68	100.000	20.000	10.000		270.000
79	20.000	20.000	10.000		190.000
80			5.000		75.000
90	20.000	20.000			40.000
Tổng					2.315.000

Số tiền trên phoi đề đài T (chưa trừ tiền hoa hồng) là 2.690.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số tiền trúng thưởng là 2.450.000 đồng, trong đó trúng số 11 là 700.000 đồng, trúng số 24 là 350.000 đồng, trúng số 55 là 700.000 đồng, trúng số 79 là 700.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc ở đài T là 5.140.000 đồng.

- Đài Đ:

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
02			50.000		750.000
38			10.000		150.000
61			20.000		300.000
73	50.000	50.000	10.000		250.000
79	20.000	20.000	10.000		190.000
90	20.000	20.000			40.000
Tổng					1.680.000

Số tiền trên phoi đề đài Đ (chưa trừ tiền hoa hồng) là 1.980.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số thì không trúng thưởng.

- Đài M:

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
02			50.000		1.000.000
06			10.000		200.000
61			30.000		600.000
73	10.000	10.000	10.000		250.000
01 -11				10.000	500.000
06-27				5.000	250.000
11-83				5.000	250.000
06-41-60				3.000	450.000
13-57-82				2.000	300.000
39-59-79				5.000	750.000
Tổng					4.550.000

Số tiền trên phoi đề đài miền B (chưa trừ tiền hoa hồng) là 5.450.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số thì không trúng thưởng.

Đối với Lâm Thị Ngọc D: Ngày 13/02/2022 Lâm Thị Ngọc D nhắn tin cho Trương Thị Cẩm T để mua số đề. Cụ thể:

- Đài miền B:

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
06	10.000	10.000			40.000
14	10.000	10.000			40.000
15	10.000	10.000			40.000
12-21				20.000	1.000.000
38-78				2.000	100.000
39-52-79				2.000	300.000
43-45-58				4.000	600.000
Tổng					2.120.000

Số tiền trên phoi đề đài miền B (chưa trừ tiền hoa hồng) là 2.310.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số tiền trúng thưởng là 2.800.000 đồng, trong đó trúng số 39 đá 52 là 1.400.000 đồng, trong đó trúng số 38 đá 79 là 1.400.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 5.110.000 đồng.

- Đối với Đinh Thị H1: Ngày 13/02/2022 Đinh Thị H1 nhắn tin cho Trương Thị Cẩm T để mua số đề. Cụ thể:

- Đài T

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
19			100.000		1.500.000

Số tiền trên phôi đề đài T (chưa trừ tiền hoa hồng) là 1.800.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số thì không trúng thưởng.

- Đài miền B:

Số	Đầu	Đuôi	Bao lô	Đá	Tiền thực tế
22			30.000		600.000
62			30.000		600.000
22-62				20.000	1.000.000
Tổng					2.200.000

Số tiền trên phôi đề đài miền B (chưa trừ tiền hoa hồng) là 2.660.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số thì không trúng thưởng.

Ngoài ra, Trương Thị Cẩm T còn tham gia đánh bạc đối với các đối tượng tên anh R, chị M1 (không rõ nhân thân) và tham gia đánh bạc với các đối tượng khác vào nhiều ngày trước đó nhưng T đã tiêu hủy, nay không nhớ rõ số tiền đánh bạc, thắng thua trong quá trình đánh bạc.

Cáo trạng số 205/CT-VKS.TU ngày 19 tháng 7 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T quyết định truy tố bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2023/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Cẩm T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Kim Y 09 (chín) tháng, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Ngọc D 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/8/2023, các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y và Lâm Thị Ngọc D kháng cáo được phạt tiền hoặc cho hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D có đơn kháng cáo xin được phạt tiền hoặc hưởng án treo, các bị cáo bổ sung tài liệu hoàn cảnh khó khăn có xác nhận địa phương và bị cáo T có cha có công cách mạng. Nhận thấy trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm, cụ thể:

Bị cáo Trương Thị Cẩm T có tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và khi kháng cáo bị cáo bổ sung tài liệu có cha là ông Trương Văn H2 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và hoàn cảnh khó khăn, đã nộp lại tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật giảm 01 phần hình phạt đối với bị cáo T, do đó kháng cáo của bị cáo có cơ sở xem xét.

Bị cáo Trần Kim Y: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được phạt tiền hoặc hưởng án treo nhưng không chấp hành các quy định pháp luật, cụ thể: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, bị cáo Y không trình báo và không có mặt tại nơi cư trú theo quy định là vi phạm Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự nên ngày 04/4/2024, Công an thành phố T có Quyết định truy nã đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo Y không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không có cơ sở xem xét kháng cáo của bị cáo Trần Kim Y.

Bị cáo Lâm Thị Ngọc D: Trong vụ án này, bị cáo D thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giản đơn, trực tiếp mua bán số đề với bị cáo T nhưng số tiền dùng đánh bạc không lớn và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhân thân bị cáo từng chấp hành án phạt tù vào năm 2006 về tội “Môi giới mại dâm” nhưng đã được xóa án tích, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được sửa đổi bổ sung tại mục 2 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà xem xét xử lý bị cáo bằng hình thức phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo D có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, trong vụ án này các bị cáo T, Y có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp nhưng do không thay đổi khung hình phạt đối với các bị cáo T, Y. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Lâm Thị Ngọc D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2023/HS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo hướng giảm hình phạt cho Trương Thị Cẩm T 03 tháng tù; chuyển từ hình phạt tù giam sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cho cáo bị cáo Lâm Thị Ngọc D, 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Kim Y, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2023/HS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Trần Kim Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Lâm Thị Ngọc D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y và Lâm Thị Ngọc D được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Kim Y bỏ trốn nên ngày 04/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định truy nã số 1063/QĐTN-ĐCSHS. Căn cứ quy định tại Điều 290; điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Trần Kim Y.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: ngày 13/02/2022, tại khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D và bà Đinh Thị H1, đối tượng R, M1 (không rõ nhân thân, lai lịch) đã thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức mua (bán) số lô, số đề, trong đó Trương Thị Cẩm T là người làm chủ đề.

Đối với Trần Kim Y: ngày 13/02/2022, Trần Kim Y nhắn tin cho Trương Thị Cẩm T để mua các con số đề, cụ thể: Đài K với tổng số tiền là 6.242.000 đồng; đài Tiền Giang với tổng số tiền là 5.140.000 đồng; đài Đ với tổng số tiền là 1.980.000 đồng; đài miền B với tổng số tiền là 5.450.000 đồng. Như vậy hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số đề của Trần Kim Y vào ngày 13/02/2022 căn cứ lần lượt vào kết quả mở thưởng của các đài Kiên Giang, Tiền Giang, miền B đều đủ yếu tố cấu thành của tội “Đánh bạc”.

Đối với Lâm Thị Ngọc D: ngày 13/02/2022, Lâm Thị Ngọc D nhắn tin cho Trương Thị Cẩm T để mua các con số đề đài Miền B1 với tổng số tiền là 5.110.000 đồng. Như vậy hành vi đánh bạc dưới hình thức số đề của Lâm Thị Ngọc D vào ngày 13/02/2023 căn cứ vào kết quả mở thưởng của đài miền B1 đủ yếu tố cấu thành của tội “Đánh bạc”.

Đối với Trương Thị Cẩm T: Ngày 13/02/2022, bị cáo Trương Thị Cẩm T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề cùng với các bị cáo Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D và bà Đinh Thị H1, trong đó số tiền Trương Thị Cẩm T sử dụng để đánh bạc ở đài Tiền Giang là 6.940.000 đồng, đài K là 6.242.000 đồng, đài Đ là 1.980.000 đồng, đài Miền B1 là 13.220.000 đồng. Như vậy hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề của Trương Thị Cẩm T vào ngày 13/02/2022 với căn cứ lần lượt vào kết quả mở thưởng của lần lượt các đài Kiên Giang, Tiền Giang, miền B đều đủ yếu tố cấu thành của tội “Đánh bạc”.

Hành vi của các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y và Lâm Thị Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y và Lâm Thị Ngọc D theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với bị cáo Trương Thị Cẩm T cấp sơ thẩm nhận định không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” là không đúng bởi tại Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, tự thú của Công an phường T xác định phát hiện bị cáo T có biểu hiện vi phạm hành chính, quá trình làm việc tại phường, T tự khai nhận việc ghi số đề, đây là việc bị cáo tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội nên Công an lập biên bản nêu trên là đúng, cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo T tình tiết giảm nhẹ “Tự thú” là chưa phù hợp. Các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Trần Kim Y phạm tội 02 lần trở lên nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” là không đúng, do vậy cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp.

Xét kháng cáo xin chuyển phạt tiền hoặc cho hưởng án treo của các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y và Lâm Thị Ngọc D: Tại cấp phúc thẩm các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D đã nộp tiền dùng để đánh bạc theo bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo Trương Thị Cẩm T cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ có cha là ông Trương Văn H2 là người có công Cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhất. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân tốt, có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; sau khi phạm tội

bị phát hiện cho đến nay, các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật Nhà nước và địa phương, không vi phạm gì khác, các bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm tại địa phương nên có căn cứ chấp nhận. Đối với bị cáo Trần Kim Y trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo bỏ trốn, bị cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định nên không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị đối với bị cáo Trương Thị Cẩm T là chưa phù hợp nên không được chấp nhận. Đối với ý kiến đề nghị đối với các bị cáo Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về biện pháp tư pháp: Đối với tiền sử dụng vào việc đánh bạc theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo Trương Thị Cẩm T đã nộp 14.925.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001306 ngày 27/11/2023 và 2.990.000 đồng bị cáo Lâm Thị Ngọc D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001307 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D không phải nộp, bị cáo Trần Kim Y phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2023/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Kim Y. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2023/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Trần Kim Y.

2.1 Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Cẩm T, Trần Kim Y, Lâm Thị Ngọc D phạm tội “Đánh bạc”.

2.2 Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thị Cẩm T 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Ngọc D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Giao các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Kim Y 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.925.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001306 ngày 27/11/2023 và số tiền 2.990.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001307 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Thị Cẩm T và Lâm Thị Ngọc D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Kim Y phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (01);
- Tòa án nhân dân thành phố T (06);
- Viện kiểm sát nhân thành phố T;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố T (01);
- Bị cáo (03);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (03);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (04), HTHT, 28.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương